

Số: 1486/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Thái Bình, tỉnh Thái Bình đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình tại Tờ trình số 168/TTr-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2019, Báo cáo thẩm định của Bộ Xây dựng tại Báo cáo số 135/BC-BXD ngày 11 tháng 10 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Thái Bình, tỉnh Thái Bình đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Phạm vi, ranh giới nghiên cứu lập quy hoạch:

Khu kinh tế Thái Bình bao gồm 30 xã, 01 thị trấn thuộc 02 huyện Thái Thụy, Tiền Hải và phần tiếp giáp ven biển như sau:

- Huyện Thái Thụy gồm 14 xã và 01 thị trấn: Thị trấn Diêm Điền, các xã: Thụy Hải, Thụy Lương, Thụy Hà, Thụy Tân, Thụy Trường, Thụy Xuân, Thụy Liên, Thái Nguyên, Thái Thượng, Thái Hòa, Thái Đô, Thái Thọ, Thái Xuyên, Mỹ Lộc.

- Huyện Tiền Hải gồm 16 xã: Đông Trà, Đông Hải, Đông Long, Đông Xuyên, Đông Hoàng, Đông Minh, Đông Cơ, Đông Lâm, Tây Giang, Tây Sơn, Nam Cường, Nam Thắng, Nam Thịnh, Nam Thanh, Nam Hưng, Nam Phú.

Khu kinh tế Thái Bình có diện tích tự nhiên 30.583 ha. Ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp với thành phố Hải Phòng qua sông Hóa.

- Phía Nam và Tây Nam giáp với tỉnh Nam Định qua sông Hồng.

- Phía Đông giáp biển Đông với hơn 50 km bờ biển.
- Phía Tây giáp các xã còn lại của huyện Thái Thụy và Tiền Hải.

2. Mục tiêu:

- Khai thác tối đa lợi thế về điều kiện tự nhiên, vị trí trong việc kết nối kinh tế, thương mại, dịch vụ với các địa bàn lân cận, phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo tồn và phát huy giá trị của hệ sinh thái biển, di tích lịch sử, văn hóa trong khu vực.

- Xây dựng và phát triển Khu kinh tế Thái Bình để trở thành khu kinh tế tổng hợp, đa ngành, địa bàn có tính đột phá của tỉnh Thái Bình; ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp tận dụng được lợi thế, tiềm năng của khu vực về nguồn khí thiên nhiên và nguồn nguyên liệu, liên kết với các khu kinh tế, khu công nghiệp đã phát triển trong vùng đồng bằng sông Hồng; kết hợp phát triển các ngành nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản ở những khu vực có chất lượng đất tốt, nguồn lợi thủy sản phong phú; phát triển đô thị, dịch vụ, du lịch phù hợp với tiềm năng và nhu cầu của khu vực.

- Làm cơ sở pháp lý để triển khai quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết các khu chức năng, các dự án đầu tư xây dựng trong Khu kinh tế.

3. Tính chất

- Là khu kinh tế tổng hợp đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Bình và vùng duyên hải Bắc Bộ.

- Là một trung tâm kinh tế biển, đa ngành, đa lĩnh vực của vùng duyên hải Bắc Bộ và của cả nước, bao gồm: Kinh tế hàng hải, trung tâm công nghiệp, năng lượng, thương mại - dịch vụ, du lịch, nông nghiệp công nghệ cao, thủy sản.

- Là khu kinh tế có cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội hiện đại, đồng bộ gắn với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững, bảo đảm an ninh quốc phòng.

4. Quy mô dân số và đất đai

a) Quy mô dân số:

- Đến năm 2025, dân số là 227.000 người, trong đó đô thị là 94.000 người, tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 41%.

- Đến năm 2040, dân số là 300.000 người, trong đó đô thị là 210.000 người, tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 70%.

b) Quy mô đất đai:

- Đến năm 2025, đất xây dựng các khu chức năng Khu kinh tế khoảng 18.500 ha. Trong đó, đất khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ, khu công nghiệp và cụm công nghiệp khoảng 8.020 ha; đất khu dân dụng đô thị khoảng 1.410 ha; đất khu du lịch, dịch vụ tập trung khoảng 2.345 ha.

- Đến năm 2040, đất xây dựng các khu chức năng Khu kinh tế khoảng 21.000 ha. Trong đó, đất khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ, khu công nghiệp và cụm công nghiệp khoảng 8.020 ha; đất khu dân dụng đô thị khoảng 3.000 ha; đất khu du lịch, dịch vụ tập trung khoảng 3.110 ha.

5. Định hướng phát triển không gian

a) Tổ chức các khu chức năng trong khu kinh tế:

- Trung tâm điện lực Thái Bình, gồm:

+ Trung tâm nhiệt điện Thái Bình, diện tích 253 ha: Thực hiện theo Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18 tháng 3 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 có xét đến năm 2030.

+ Khu điện gió, quy hoạch khoảng 600 ha: Trong đó, 200 ha tại khu vực bãi bồi ven biển các xã Nam Thịnh, Nam Hưng, Nam Phú; 200 ha tại khu vực biển giáp khu du lịch Cồn Đen, xã Thái Đô (huyện Thái Thụy); 200 ha tại khu vực giáp cửa Trà Lý, xã Đông Long (huyện Tiền Hải).

- Các khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ, khu công nghiệp và cụm công nghiệp trong Khu kinh tế Thái Bình có tổng diện tích 8.020 ha, được phân bố như sau:

+ Trên địa bàn huyện Thái Thụy có khoảng 4.058 ha.

+ Trên địa bàn huyện Tiền Hải có khoảng 3.962 ha.

- Khu cảng biển Thái Bình với các khu bến, khoảng 500 ha: Khu bến Diêm Điền và Trà Lý đáp ứng tiếp nhận tàu đến 5.000DWT (phía trong sông) và 50.000DWT (phía biển); các khu bến khác: Mỹ Lộc, Thái Thọ, Tân Sơn, Thụy Tân, Nam Thịnh cho tàu có tải trọng 200 - 1.000 tấn; Ba Lạt cho tàu có tải trọng từ 5.000 - 30.000 tấn.

- Các đô thị:

+ Thị trấn Diêm Điền mở rộng gắn với phát triển công nghiệp, dịch vụ cảng của khu bến Diêm Điền, Tân Sơn; đô thị huyện lỵ của huyện Thái Thụy. Hiện trạng là đô thị loại IV, đến năm 2040 đạt đô thị loại III.

+ Thị trấn Tiền Hải mở rộng gắn với phát triển Khu công nghiệp Tiền Hải (hiện có), dịch vụ khu công nghiệp, dịch vụ du lịch; đô thị huyện lỵ của huyện Tiền Hải. Hiện trạng là đô thị loại V, đến năm 2040 đạt đô thị loại III.

+ Đô thị Thụy Trường gắn với phát triển các khu dân cư - dịch vụ phía Bắc Khu kinh tế. Đến năm 2025 đạt đô thị loại V.

+ Đô thị Đông Minh gắn với phát triển du lịch - dịch vụ vùng giữa Khu kinh tế. Đến năm 2025 đạt đô thị loại V.

+ Đô thị Nam Phú gắn với phát triển du lịch sinh thái, du lịch biển phía Nam Khu kinh tế. Đến năm 2025 đạt đô thị loại V.

- Các khu du lịch và dịch vụ tập trung có diện tích 3.110 ha, bao gồm: Các khu, điểm du lịch biển tại Cồn Đen, Cồn Thủ, Cồn Vành và Đồng Châu. Các khu dịch vụ tập trung tại Đông Hoàng, Đông Minh, Nam Cường, Nam Thịnh và Nam Phú; xây dựng và phát triển thành các khu dịch vụ du lịch, dịch vụ nông nghiệp, dịch vụ nuôi trồng đánh bắt thủy hải sản và các khu dân cư dịch vụ.

- Các khu dân cư nông thôn và nông nghiệp tập trung chủ yếu tại khu vực các xã Thụy Tân, Mỹ Lộc, Thái Xuyên (huyện Thái Thụy); xã Đông Trà, Đông Xuyên, Nam Thắng, Nam Thanh (huyện Tiền Hải). Định hướng phát triển không gian ở nông thôn cơ bản giữ nguyên cấu trúc không gian hiện hữu; cải tạo, nâng cấp hệ thống công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật, hoàn thiện môi trường sống, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống.

b) Định hướng kiến trúc, cảnh quan:

Phát triển không gian kiến trúc cảnh quan hiện đại, dựa trên cấu trúc cảnh quan và sinh thái tự nhiên, đặc biệt là khai thác cảnh quan sông, khu vực cửa sông biển, dải bờ biển; phù hợp với điều kiện văn hóa xã hội; tăng cường hệ thống không gian công cộng, quảng trường, không gian cảnh quan tự nhiên.

- Vùng cảnh quan ven biển: Thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển. Xây dựng mật độ thấp, có thể hợp khối theo dạng dải, xây dựng cao tầng tại một số khu vực tạo điểm nhấn.

- Vùng cảnh quan dọc các tuyến sông: Mở hướng trục cảnh quan ra các dòng sông, tạo các tuyến đường dọc sông, quản lý chặt chẽ kiến trúc cảnh quan khu vực mặt tiền sông.

- Vùng cảnh quan thị trấn Diêm Điền mở rộng: Khai thác cảnh quan khu vực hai bên bờ sông Diêm Hộ, mặt nước cửa Diêm Điền, tổ chức các công trình kiến trúc hiện đại. Xây dựng mật độ trung bình; các tuyến phố nhỏ, tuyến phố buôn bán xây dựng mật độ cao, các khu nhà ở chung cư, các khu thương mại, văn phòng, khách sạn.

- Vùng cảnh quan khu du lịch Cồn Thủ, Cồn Vành: Xây dựng kiến trúc hiện đại, mật độ thấp, ưu tiên xây dựng cao tầng tạo điểm nhấn không gian.

- Vùng cảnh quan thị trấn Tiền Hải mở rộng và đô thị Đông Minh: Mật độ xây dựng và tầng cao trung bình, kết hợp hài hoà với các không gian mở, các lối cây xanh và các trục đường hướng biển.

- Vùng cảnh quan đô thị Thụy Trường, Nam Phú: Xây dựng mật độ thấp và trung bình, hòa nhập với cảnh quan thiên nhiên. Tạo các trục không gian hướng sông Hồng, sông Thái Bình, tạo các khu ở đa dạng dành cho công nhân, chuyên gia.

- Vùng cảnh quan các khu công nghiệp: Đưa các công trình kỹ thuật, kết cấu làm yếu tố thẩm mỹ trong tổ chức kiến trúc cảnh quan, khu công nghiệp sử dụng màu sắc theo đặc điểm tâm sinh lý người lao động, môi trường địa phương. Yếu tố cây xanh được tổ chức trong mặt bằng cảnh quan khu công nghiệp với diện tích tối đa.

6. Định hướng hệ thống hạ tầng kinh tế và hạ tầng xã hội

a) Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế:

- Phát triển theo hướng công nghiệp thân thiện với môi trường. Các ngành công nghiệp chủ đạo là công nghiệp công nghệ cao; cơ khí chế tạo động cơ, sản xuất, lắp ráp ô tô, xe máy, các phương tiện vận tải, công nghiệp hỗ trợ ngành ô tô; ngành thời trang, dệt nhuộm, vải cao cấp, may mặc xuất khẩu và nguyên phụ liệu; công nghiệp khai thác và chế biến khí, sản phẩm sau khí, điện; công nghiệp dịch vụ hậu cần cảng biển, công nghiệp hàng không; chế biến nông thủy hải sản, thực phẩm, đồ uống; thiết bị y tế, dược phẩm; sản xuất các sản phẩm từ cao su và plastic; vật liệu xây dựng và sản xuất hàng tiêu dùng khác.

- Dịch vụ giao nhận vận chuyển (kho ngoại quan, logistic) gắn với hệ thống cảng biển, ưu tiên phát triển hệ thống phân phối hiện đại gồm các trung tâm thương mại, dịch vụ tổng hợp, tài chính, ngân hàng, siêu thị, trung tâm vận chuyển, giao nhận hàng hóa, chợ đầu mối. Đầu tư phát triển hệ thống chợ đáp ứng đủ nhu cầu của người dân.

- Tập trung phát triển các sản phẩm du lịch đô thị gắn với sự kiện, lễ hội, du lịch văn hóa lịch sử, du lịch nghỉ dưỡng biển, du lịch sinh thái biển; du lịch vui chơi giải trí cao cấp (golf, casino); kết hợp với du lịch tham quan, thưởng ngoạn cảnh quan rừng ngập mặn và tìm hiểu, khám phá các sản phẩm hàng hóa lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp của Khu kinh tế. Kết nối du lịch Khu kinh tế với các hành trình du lịch nổi tiếng trong vùng bằng đường thủy, đường biển, đường hàng không (thủy phi cơ). Hình thành các khu du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái hiện đại, đẳng cấp tại khu vực Cồn Đen, Cồn Thủ, Cồn Vành. Xây dựng, cải tạo, nâng cấp hạ tầng du lịch.

- Quy hoạch và phát triển các mô hình nông nghiệp công nghệ cao, có năng suất chất lượng cao, tận dụng tối đa điều kiện tự nhiên, quỹ đất của khu kinh tế. Xây dựng cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung tại xã Thụy Trường, Thụy Xuân, Thái Đô, Nam Thịnh, Nam Hưng; đầu tư nâng cấp hệ thống cảng cá và các cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá.

- Bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững diện tích rừng phòng hộ ven biển.

b) Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội:

- Phát triển hệ thống cơ quan, công sở gắn với các đô thị trong khu kinh tế, phù hợp với yêu cầu, xu thế phát triển tổ chức hành chính mới và định hướng phát triển không gian tổng thể khu kinh tế; giữ nguyên vị trí hiện tại, nâng cấp, cải tạo các công trình hành chính cấp huyện, xã.

- Xây dựng và phát triển hệ thống các công trình văn hóa hiện đại gắn với đô thị và các khu dân cư. Bố trí đầy đủ các thiết chế văn hóa, thể thao cho các xã và thị trấn. Tôn tạo, bảo vệ các công trình có giá trị nghệ thuật, các di tích cách mạng, di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh gắn với phát triển kinh tế - du lịch của Khu kinh tế.

- Xây dựng trường đào tạo nghề theo tiêu chuẩn quốc tế tại khu dịch vụ tập trung Đông Hoàng. Hoàn thiện, bổ sung mạng lưới giáo dục phổ thông theo các cấp học.

- Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị y tế, cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật đối với các cơ sở khám chữa bệnh hiện có. Hoàn thiện, nâng cao chất lượng các cơ sở y tế.

- Xây dựng trung tâm thể dục thể thao cấp đô thị tại đô thị Đông Minh, nâng cấp hệ thống công trình thể dục thể thao hiện hữu, xây dựng các công trình luyện tập thể thao cấp đô thị, cấp khu ở hiện đại, tiêu chuẩn chất lượng. Các khu cây xanh tập trung: Công viên tại thị trấn Diêm Điền bên bờ sông Diêm Hộ, diện tích 70 ha; Công viên tại khu vực xã Nam Cường bên bờ sông Lân, diện tích 70 ha; ...

- Phát triển, từng bước cải thiện và nâng cao chất lượng nhà ở. Đầu tư phát triển quỹ nhà ở xã hội. Cải thiện chất lượng nhà ở nông thôn. Tại khu vực trung tâm đô thị, khuyến khích xây dựng mô hình nhà ở kết hợp thương mại, dịch vụ, văn phòng.

7. Quy hoạch sử dụng đất

a) Đến năm 2025:

Tổng diện tích toàn bộ khu kinh tế là 30.583 ha, trong đó có các loại đất chính như sau:

- Đất trung tâm điện lực: 853 ha.

- Đất xây dựng các khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ, khu công nghiệp và cụm công nghiệp: 8.020 ha

- Đất khu cảng: 500 ha.

- Đất khu dân dụng đô thị: 1.410 ha.

- Đất các khu du lịch, dịch vụ tập trung: 2.345 ha.
- Đất khu dân cư nông thôn: 2.750 ha.
- Đất nông, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản: 6.705 ha.
- Đất giao thông đối ngoại; đường chính, đường liên khu vực: 2.482 ha.
- Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật: 45 ha.

b) Đến năm 2040:

Tổng diện tích toàn bộ khu kinh tế là 30.583 ha, trong đó có các loại đất chính như sau:

- Đất trung tâm điện lực: 853 ha.
- Đất xây dựng các khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ, khu công nghiệp và cụm công nghiệp: 8.020 ha
- Đất khu cảng: 500 ha.
- Đất khu dân dụng đô thị: 3.000 ha.
- Đất các khu du lịch, dịch vụ tập trung: 3.110 ha.
- Đất khu dân cư nông thôn: 2.550 ha.
- Đất nông, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản: 5.985 ha.
- Đất giao thông đối ngoại; đường chính, đường liên khu vực: 2.918 ha.
- Đất công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật: 45 ha.

8. Định hướng hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Định hướng phát triển hệ thống giao thông:

- Giao thông đối ngoại:

+ Đường không: Sử dụng cảng hàng không quốc tế Cát Bi - Hải Phòng làm trung tâm vận chuyển hành khách và kết nối các hoạt động logistic theo đường hàng không. Hình thành các điểm đáp sân bay trực thăng, các bãi đáp thủy phi cơ phục vụ du lịch và cứu hộ, cứu nạn.

+ Đường biển: Đầu tư xây dựng cảng biển Thái Bình đủ năng lực tiếp nhận tàu biển có trọng tải lớn đến 50.000DWT (phía biển), 5.000DWT (phía trong sông) đáp ứng nhu cầu xuất nhập khẩu hàng hóa phục vụ quá trình hình thành và phát triển Khu kinh tế Thái Bình.

+ Đường thủy nội địa: Tiến hành nạo vét luồng lạch các sông. Thực hiện theo Quy hoạch chi tiết phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa tỉnh Thái Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030. Xây mới các bến thuyền du lịch, phát triển hệ thống đường thủy kết nối các khu du lịch Cồn Đen, Cồn Thủ, Cồn Vành.

+ Đường bộ:

. Xây mới tuyến cao tốc Ninh Bình - Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh, quy mô 6 làn xe; cải tạo, nâng cấp quốc lộ 39, quy mô 4÷6 làn xe, quốc lộ 37 và quốc lộ 37B, quy mô 6 làn xe. Tiếp tục hoàn thiện tuyến đường ven biển lên quy mô 8 làn xe, lộ giới 90 m.

. Xây mới tuyến Thái Bình - Hà Nam (ngoài ranh giới, ở về phía Bắc Khu kinh tế), quy mô 4 làn xe. Bổ sung tuyến Thái Bình - Nam Định, quy mô 4 làn xe. Cải tạo nâng cấp các tuyến đường tỉnh: Đường tỉnh 456, đường tỉnh 461, đường tỉnh 462, quy mô tối thiểu 2 làn xe; đường tỉnh 459, đường tỉnh 462, đường tỉnh 464, đường tỉnh 465 nâng cấp lên quy mô tối thiểu 4 làn xe.

+ Đường sắt: Thực hiện theo Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển giao thông vận tải đường sắt Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1468/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2015: Tuyến đường sắt Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định sẽ được nghiên cứu sau năm 2025. Hướng tuyến sẽ được cụ thể hóa tại các đồ án chuyên ngành.

- Giao thông đối nội:

+ Quy hoạch các tuyến đường trục Khu kinh tế, bao gồm:

. Tuyến trục dọc phía Tây: Trên cơ sở nâng cấp, cải tạo, xây mới các tuyến đường tỉnh 458, đường tỉnh 459, đường tỉnh 462, tuyến nối ra Khu du lịch Cồn Vành, quy mô 4 làn xe; quốc lộ 37B, quy mô 6 làn xe.

. Tuyến trục dọc phía Đông: Xây mới trên cơ sở các tuyến liên kết nội khu theo quy hoạch, quy mô tối thiểu 4 làn xe.

. Tuyến trục ngang phía Bắc: Trên cơ sở nâng cấp, cải tạo quốc lộ 39, quy mô 4 ÷ 6 làn xe.

. Trục trục trung tâm phía Bắc sông Trà Lý kết nối ra Khu du lịch Cồn Đen, quy mô tối thiểu 4 làn xe.

. Trục trục trung tâm phía Nam sông Trà Lý hỗ trợ kết nối theo hướng Đông Tây: Trên cơ sở nâng cấp, cải tạo, xây mới tuyến đường tỉnh 464, quy mô tối thiểu 4 làn xe.

. Tuyến trục ngang phía Nam: Trên cơ sở nâng cấp, cải tạo, xây mới tuyến đường tỉnh 465, quy mô 4 làn xe.

+ Xây dựng mới các trục giao thông kết nối nội khu và các trục kết nối cảng biển với giao thông đối ngoại, có lộ giới từ 24 m ÷ 50 m.

+ Xây dựng mới các tuyến giao thông kết nối giữa hệ thống giao thông nội bộ các khu chức năng với mạng lưới giao thông chính của toàn Khu kinh tế, có lộ giới từ 20,5 m ÷ 47 m.

+ Hệ thống các đường trục chính có lộ giới tối thiểu là 34 m, các tuyến đường liên khu vực và chính khu vực có lộ giới tối thiểu là 20,5 m.

+ Đường trong các khu công nghiệp: Xây dựng hệ thống giao thông hiện đại, đồng bộ, phù hợp với từng khu công nghiệp, theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

+ Đường trong các khu đô thị: Hoàn chỉnh và đảm bảo kết nối giữa hệ thống giao thông nội bộ với mạng lưới giao thông chính của toàn Khu kinh tế. Cơ bản giữ nguyên hệ thống giao thông chính đã được phê duyệt tại thị trấn Diêm Điền mở rộng và thị trấn Tiên Hải mở rộng. Tỷ lệ đất giao thông đạt khoảng 21%.

+ Đường trong các khu vực nông thôn và du lịch: Áp dụng chỉ tiêu kỹ thuật như đối với khu vực đô thị cho các tuyến đường chính, đảm bảo kết nối thuận lợi với hệ thống giao thông chung trong Khu kinh tế.

- Giao thông công cộng: Tổ chức các tuyến xe buýt; các tuyến tàu thủy phục vụ vận chuyển hành khách kết hợp du lịch dọc các tuyến thủy nội địa, biển ven bờ.

b) Quy hoạch cao độ nền, thoát nước mặt (Chuẩn bị kỹ thuật):

- Quy hoạch cao độ nền:

+ Khu vực phía trong đô huyện Tiên Hải: $H_{xd} \geq +1,50$ m; khu vực phía trong đô huyện Thái Thụy: $H_{xd} \geq +2,00$ m;

+ Khu vực tiếp giáp ven biển:

. Quai đê cho các khu vực phát triển đô thị và công nghiệp bên ngoài đê biển hiện hữu: Đối với khu đô thị, cao trình mặt đê $\geq +3,70$ m; đối với khu công nghiệp, cao trình mặt đê $\geq +4,55$ m; lựa chọn hình thức đê cần tính toán thêm phần tường đỉnh chắn sóng để phòng khi có bão lớn; khoan thăm dò địa chất để đưa ra các giải pháp kỹ thuật hợp lý trước khi triển khai dự án.

. Đối với khu du lịch tôn đắp nền từ 0,5 ÷ 1,00 m so với cao độ tự nhiên trước khi xây dựng.

- Thoát nước mưa: Hệ thống thoát nước riêng. Tổ chức mạng lưới thoát nước mưa phù hợp với điều kiện địa hình của khu vực đảm bảo nguyên tắc tự chảy kết hợp với bơm động lực cho khu vực trong đê. Hệ thống thoát nước được chia thành nhiều nhánh nhỏ để thoát ra các sông Diêm Hộ, sông Trà Lý, sông Thái Bình, sông Hồng, v.v... Trong các khu công nghiệp, cảng có nguy cơ phát thải các chất nguy hại. Hệ thống thoát nước phải có bộ phận tách các thành phần nguy hại trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của toàn khu vực quy hoạch.

c) Cấp nước:

- Dự báo tổng nhu cầu dùng nước năm 2025 khoảng 95.000 m³/ngày đêm; năm 2040: 230.000 m³/ngày đêm.

- Nguồn nước và công trình đầu mối:

+ Nguồn nước sử dụng cho Khu kinh tế Thái Bình chủ yếu là nước mặt sông Thái Bình, Diêm Hộ, Trà Lý và sông Hồng.

+ Cải tạo, nâng công suất nhà máy nước hiện có; xây dựng mới các nhà máy nước Thụy Tân, Thái Nguyên, Trà Lý và sông Hồng có công suất từ 10.000 m³/ngày đêm ÷ 90.000 m³/ngày đêm.

- Xây dựng mạng lưới đường ống dạng mạch vòng khép kín trong từng phân vùng và được điều hòa lưu lượng và áp lực qua mạng lưới truyền dẫn giữa các nhà máy nước.

- Sử dụng mạng lưới cấp nước chữa cháy chung với mạng lưới cấp nước của toàn khu kinh tế. Bố trí các trụ cứu hỏa đảm bảo khoảng cách theo quy định. Ngoài ra các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp phải có hệ thống phòng cháy, chữa cháy riêng để chủ động chữa cháy.

d) Cấp điện:

- Dự báo phụ tải yêu cầu đến năm 2025 khoảng 369MW; đến năm 2040 khoảng 1.200MW.

- Trung tâm nhiệt điện Thái Bình (xã Mỹ Lộc, huyện Thái Thụy) với tổng công suất 1.800MW bao gồm 02 nhà máy: Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 1, công suất 600MW và nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2, công suất 1.200MW. Khu điện gió có công suất phù hợp với tiềm năng phát triển điện gió của khu vực.

- Lưới điện 220KV:

+ Đến năm 2025: Xây dựng trạm 220kV Thái Thụy công suất 250MVA; đường dây 220kV Nam Định - Thái Bình - Thái Thụy; đường dây 220kV Nam Định - Thái Bình - Trực Ninh; nâng công suất trạm 220kV Thái Thụy 2x250MVA; xây dựng đường dây 220kV mạch kép đầu nối trạm 220kV Vũ Thư.

+ Đến năm 2040: Xây dựng mới trạm 220kV Tiên Hải công suất 250MVA; xây dựng đường dây 220kV mạch kép cấp điện cho trạm 220kV Tiên Hải.

- Lưới điện 110kV: Xây dựng mới đường dây; cải tạo, nâng công suất các trạm 110KV hiện hữu, kết hợp xây mới các trạm 110kV đảm bảo nhu cầu và bán kính phục vụ theo từng giai đoạn quy hoạch.

+ Lưới trung thế, hạ thế: Hạ ngầm ở các khu đô thị mới; từng bước hạ ngầm ở các khu vực trung tâm đô thị; xây dựng mới các trạm hạ thế đáp ứng đủ nhu cầu và đảm bảo mỹ quan.

- Hoàn thiện lưới điện chiếu sáng theo các tiêu chuẩn hiện hành.

đ) Thông tin liên lạc: Đầu tư xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin liên lạc, đảm bảo cung cấp đầy đủ các loại hình dịch vụ viễn thông. Ngầm hóa hệ thống cáp thông tin liên lạc tại khu vực trung tâm đô thị, các khu đô thị mới và khu vực công trình công cộng đô thị. Từng bước hạ ngầm cáp thông tin liên lạc tại các khu đô thị hiện hữu.

e) Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

- Thoát nước thải:

+ Xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải riêng cho từng đô thị (thị trấn Diêm Điền mở rộng, thị trấn Tiên Hải mở rộng, đô thị Thụy Trường, đô thị Đông Minh, đô thị Nam Phú): Mỗi đô thị xây dựng từ 01 ÷ 02 trạm xử lý nước thải với công suất từ 2.200 m³/ngày ÷ 6.000 m³/ngày.

+ Xây dựng các trạm xử lý nước thải tập trung theo từng khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ, khu công nghiệp và cụm công nghiệp.

+ Đối với khu vực cảng, hậu cần cảng, logistic, nhiệt điện xây dựng trạm xử lý nước thải riêng theo dự án đầu tư, phụ thuộc vào tính chất nước thải của từng loại hình cảng, nhà máy.

+ Bệnh viện cấp huyện xây dựng hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung.

- Quản lý chất thải rắn: Tổ chức thu gom, phân loại rác thải theo từng đô thị, khu công nghiệp, vận chuyển đến khu xử lý chất thải rắn. Xây dựng khu xử lý chất thải rắn tại khu vực xã Thụy Hồng, Thụy Dũng thuộc huyện Thái Thụy (ngoài Khu kinh tế), diện tích 42 ha, với công nghệ xử lý hiện đại (ché biến phân vi sinh, lò đốt chất thải rắn nguy hại và chôn lấp hợp vệ sinh), công suất 2.200 tấn/ngày đêm.

- Quy hoạch nghĩa trang: Đối với các nghĩa trang, nghĩa địa hiện hữu không đủ khoảng cách ly vệ sinh thì không mở rộng thêm, tiến tới đóng cửa, dừng tiếp nhận. Toàn bộ Khu kinh tế sử dụng 02 nghĩa trang tập trung xây mới: 01 nghĩa trang tại huyện Thái Thụy, 01 nghĩa trang tại huyện Tiên Hải.

9. Đánh giá môi trường chiến lược

a) Các giải pháp chính về bảo vệ môi trường:

Sử dụng năng lượng tái tạo; ưu tiên phát triển mô hình kiến trúc xanh; duy trì, mở rộng và bảo vệ diện tích mặt nước; khuyến khích sử dụng công nghệ thân thiện môi trường trong các lĩnh vực sản xuất và sinh hoạt; khuyến khích sử dụng các phương tiện giao thông công cộng, sử dụng năng lượng sạch; sử dụng, khai thác hợp lý nguồn tài nguyên khoáng sản, nguồn nước, đảm bảo các quy định về môi trường. Xây dựng hệ thống quan trắc, giám sát định kỳ về môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, khu khai thác khoáng sản và các khu vực khác có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

b) Các giải pháp chủ yếu đối với từng phân vùng:

- Khu vực sông: Giữ gìn và bảo vệ giá trị cảnh quan tự nhiên, tăng cường diện tích cây xanh, duy trì đa dạng sinh học; cải thiện chất lượng nước.

- Khu vực phát triển đô thị: Xây dựng đồng bộ hệ thống thu gom, xử lý nước thải và chất thải rắn; duy trì và phát triển hệ thống cây xanh cảnh quan, hồ điều hòa.

- Khu, cụm công nghiệp: Áp dụng hệ thống quản lý và bảo vệ môi trường theo Bộ tiêu chuẩn ISO 14000.

- Khu vực nông thôn: Đầu tư hệ thống thiết bị cho việc phân loại và thu gom rác thải sinh hoạt; xây dựng hệ thống thoát nước hợp vệ sinh; quy hoạch các khu chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm tập trung; áp dụng các quy trình sản xuất công nghệ cao, sạch trong sản xuất nông nghiệp.

c) Các giải pháp thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu: Nâng cao nhận thức và năng lực của cộng đồng, thích ứng với biến đổi khí hậu; lồng ghép vấn đề thích ứng biến đổi khí hậu vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị của khu vực chịu ảnh hưởng trong điều kiện biến đổi khí hậu. Hỗ trợ phát triển sinh kế bền vững cho cộng đồng dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu; kiên cố hóa nhà ở, công trình chịu gió bão, ngập lụt; xây dựng đồng bộ và kiên cố hóa đường ven đê, ven sông.

10. Các dự án ưu tiên đầu tư, xây dựng đợt đầu

a) Các dự án do trung ương đầu tư trên địa bàn: Dự án đầu tư hạ tầng công cộng cảng biển (nạo vét luồng vào cảng, kè chắn sóng) để cảng biển Thái Bình đủ năng lực tiếp nhận tàu biển có trọng tải lớn đến 50.000DWT; hoàn thiện dự án Trung tâm nhiệt điện Thái Bình; tiếp tục triển khai dự án Hệ thống thu gom và phân phối khí mỏ Thái Bình và Hàm Rồng lô 102 & 106 - giai đoạn 1; hoàn thiện dự án Hệ thống phân phối khí thấp áp; triển khai tuyến

cao tốc Hải Phòng - Thái Bình - Ninh Bình; các tuyến đường trục khu kinh tế, gồm: Tuyến trục dọc phía Tây, tuyến trục dọc phía Đông, tuyến trục ngang phía Bắc, 02 tuyến trục trung tâm và tuyến trục ngang phía Nam.

b) Các dự án do tỉnh và ban quản lý: Tiếp tục đầu tư hoàn thiện các khu dân cư, tái định cư để phục vụ giải phóng mặt bằng xây dựng các khu chức năng; đầu tư hoàn thiện hệ thống nghĩa trang theo quy hoạch; hoàn thiện tuyến đường bộ ven biển; cải tạo nâng cấp các tuyến đường tỉnh, xây mới các tuyến liên khu chức năng, khớp nối các khu đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch theo quy hoạch.

c) Các dự án kêu gọi đầu tư: Dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp và các dự án sản xuất công nghiệp của nhà đầu tư thứ cấp; dự án đầu tư xây dựng, khai thác bến xe khách, xe buýt, bến tàu phục vụ du lịch; dự án đầu tư xây dựng và khai thác các khu du lịch biển, công viên và khu vui chơi giải trí ven sông, v.v...; dự án cải tạo, chỉnh trang, nâng cấp, xây dựng mới một số tuyến đường giao thông đô thị; dự án phát triển nhà ở (gồm nhà ở xã hội); dự án đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải các khu công nghiệp; nhà máy xử lý và tái chế rác thải theo công nghệ hiện đại; dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình có trách nhiệm:

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng công bố công khai Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Thái Bình, tỉnh Thái Bình đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050.

- Lập và ban hành Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Thái Bình, tỉnh Thái Bình đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xây dựng các chương trình, kế hoạch thực hiện quy hoạch, rà soát, điều chỉnh các quy hoạch có liên quan bảo đảm phù hợp, thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Thái Bình, tỉnh Thái Bình đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050; tổ chức triển khai lập các quy hoạch phân khu xây dựng, quy hoạch chi tiết xây dựng, thiết kế đô thị cho các khu chức năng trong khu kinh tế làm cơ sở quản lý quy hoạch, triển khai các dự án đầu tư xây dựng.

- Xây dựng, đề xuất cơ chế chính sách, nguồn lực tài chính, nhân lực, thực hiện các dự án hạ tầng kỹ thuật tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Bình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình, Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. //

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Quốc phòng, Ngoại giao, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Giao thông vận tải, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Thái Bình;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TH, KTTH, KGVX, NC, QHĐP;
- Lưu: VT, CN (2b). *12*

